

CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT VỀ MA TÚY, TỘI PHẠM MA TÚY VÀ CẢI NGHIỆN MA TÚY

I. MA TÚY.

1. Khái niệm về ma túy.

Theo từ điển tiếng Việt (NXB Đà Nẵng Trung tâm Từ điển học 1996, trang 583) thì Ma túy là tên gọi chung các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện.

Theo Liên Hiệp quốc thì *"Ma túy là chất hóa học có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, khi xâm nhập vào cơ thể con người sẽ có tác dụng làm thay đổi tâm trạng, ý thức trí tuệ của con người, làm cho người bị lệ thuộc vào các chất đó, gây nên những tổn thương cho từng cá nhân và cộng đồng. Do vậy, việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán, sử dụng các chất đó phải được quy định chặt chẽ trong các văn bản pháp luật và chịu sự kiểm soát của cơ quan bảo vệ pháp luật"*.

Theo quy định Luật phòng, chống ma túy nước ta thì *"Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành"* (Khoản 1 Điều 2).

Như vậy, chất ma túy được xác định và có tên gọi riêng trong khoa học. Danh mục các chất ma túy, tiền chất và các chất hóa học dùng để điều chế các chất ma túy (bao gồm danh mục quy định trong Công ước 1961, 1971, 1988 của Liên Hiệp quốc về kiểm soát ma túy) gồm 225 chất ma túy và 22 tiền chất. Để xác định có phải là chất ma túy hay không, hay là chất ma túy thì phải trung cầu giám định.

Từ quy định của Liên Hiệp quốc và pháp luật Việt Nam, chúng ta có thể hiểu: *Ma túy là các chất có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi được đưa vào cơ thể con người nó có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và sinh lý của người đó, nếu lạm dụng ma túy, con người sẽ lệ thuộc vào nó, khi đó gây tổn thương và nguy hại cho người sử dụng và cộng đồng.*

2. Phân loại

Các chất ma túy được phân chia thành nhiều loại dựa theo những căn cứ khác nhau như: nguồn gốc, mục đích sử dụng, mức độ tác động lên hệ thần kinh... Tuy nhiên, việc phân loại này cũng chỉ mang tính chất tương đối trong bối cảnh việc sử dụng các chất ma túy luôn luôn biến đổi khôn lường. Có thể liệt kê ra đây những cách phân loại chính như sau:

a. Phân loại theo nguồn gốc

Căn cứ theo tiêu chí này, ma túy được phân chia thành 3 loại: Ma túy có nguồn gốc tự nhiên, ma túy bán tổng hợp và ma túy tổng hợp.

- Ma túy tự nhiên: là sản phẩm của các cây trồng tự nhiên và các chế phẩm của chúng như thuốc phiện, cần sa, cocain.

- Ma túy bán tổng hợp: là các chất ma túy được chế từ ma túy tự nhiên và một số chất phụ gia khác, có tác dụng mạnh hơn chất ma túy ban đầu. Ví dụ: Heroin là một loại ma túy bán tổng hợp được chiết xuất từ cây thuốc phiện, bằng cách chế thuốc phiện với các hóa chất để tạo ra morphine và sau đó kết tủa thành heroin dạng thô.

- Ma túy tổng hợp: là các loại ma túy được điều chế bằng phương pháp tổng hợp hóa học toàn phần từ hóa chất như: thuốc lắc, ma túy đá...

b. Phân loại căn cứ theo mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng

Dựa trên tiêu chí này, ma túy được chia thành 2 loại: Ma túy có hiệu lực cao và ma túy có hiệu lực thấp (ma túy mạnh và ma túy nhẹ).

- Ma túy có hiệu lực cao: là các chất ma túy chỉ cần sử dụng với một lượng nhỏ đã có thể thay đổi trạng thái tâm sinh lý của người sử dụng (mức độ kích thích mạnh), và sử dụng vài lần có thể gây nghiện. Ví dụ: thuốc phiện, heroine, cocaine, thuốc lắc...

- Ma túy có hiệu lực thấp: là các chất ma túy phải sử dụng nhiều lần với một lượng lớn thì mới làm thay đổi được trạng thái tâm sinh lý của người dùng và gây nghiện; ví dụ: thuốc lá, thuốc Lào...

c. Phân loại theo tác dụng của chất ma túy đến hệ thần kinh trung ương

Dựa trên tác dụng chủ yếu của chất ma túy đến hệ thần kinh trung ương của con người, ta có thể chia thành 3 loại:

- Nhóm thuốc an thần, ức chế hệ thần kinh trung ương: Thuốc phiện, những chất chế ra từ thuốc phiện (heroine, morphine, cocaine, methadone và pethidine) và thuốc ngủ (lumiau, valium, seconau phenobacital, serepax, mogadon, seduxen...). Tác động chủ yếu khi sử dụng là buồn ngủ, an thần, yên dịu, giảm nhịp tim, giảm hô hấp...

- Nhóm các chất gây kích thích: Bao gồm amphetamine và các dẫn xuất của nó; có tác dụng làm tăng sinh lực, gây hưng phấn, tăng hoạt động của cơ thể, tăng nhịp tim, hô hấp...

- Nhóm các chất gây ảo giác: điển hình gồm LSD (Lysergic Acid Diethylamide) hay còn gọi là ma túy gây ảo giác, ecstasy (thuốc lắc). Việc sử dụng các chất này với lượng lớn có thể làm thay đổi nhận thức về hiện tại, về

môi trường xung quanh; khiến cho người dùng có thể nghe thấy, nhìn thấy những sự việc không có thật (ảo thanh, ảo giác).

d. Phân loại theo luật pháp

Ma túy được phân thành 2 loại:

- Ma túy hợp pháp: là những loại ma túy thông dụng: rượu bia, thuốc lá (ni-cô-tin), ca-phê-in, thuốc ngủ an thần, thuốc giảm đau thông thường...

- Ma túy bất hợp pháp: Theo luật pháp của Việt Nam, những chất ma túy bất hợp pháp có thể kể đến là: thuốc phiện, cần sa, heroin, cocaine, thuốc lắc, các chất gây nghiện kích thích dạng Amphetamins...

3. Sự tác động của ma túy tới cơ thể con người.

Nghiện ma túy ảnh hưởng đến sức khỏe của người nghiện, có thể dẫn đến nhiễm độc mãn tính cho cơ thể gây ra rối loạn ở từng bộ phận, đến suy nhược toàn thân của người nghiện như:

- Đối với hệ tiêu hoá, người nghiện luôn có cảm giác chán ăn, vì vậy họ không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm, thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng, đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón.

- Đối với hệ tuần hoàn, thường bị loạn nhịp, huyết áp tăng giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng, đặc biệt là hệ mạch não làm ảnh hưởng đến hoạt động của bộ não. Do tiêm chích thường không vô trùng nên dẫn đến nhiễm trùng máu, viêm tắc tĩnh mạch, thường gặp viêm tắc tĩnh mạch hai chi dưới.

- Đối với hệ hô hấp, những đối tượng hít ma túy thường bị viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới.

- Các bệnh về da, người nghiện bị rối loạn cảm giác da nên không cảm thấy bản, họ thường sợ nước, vì vậy họ rất ngại tắm rửa - đây là điều kiện thuận lợi cho các bệnh về da phát triển như: ghẻ, lở, hắc lào, viêm da...

- Nghiện ma túy làm suy giảm chức năng giải độc, người nghiện ma túy, chất hêrôin, làm cho chất độc tích tụ trong cơ thể, càng làm cho gan, thận và toàn cơ thể suy yếu nên người nghiện hay bị các triệu chứng như: áp xe gan, viêm gan, suy gan, suy thận, có khi dẫn đến tử vong.

- Đối với hệ thần kinh, người nghiện nặng có biểu hiện rối loạn phản xạ thần kinh, đau đầu, chóng mặt, trí nhớ giảm sút, viêm dây thần kinh, rối loạn cảm giác, run chân tay, chậm chạp, u sầu, ngại vận động, dễ bị kích động dẫn đến tội ác. Nếu dùng ma túy liều cao có thể bị ngộ độc cấp tính, biểu hiện rối loạn tâm thần nặng, hôn mê.

- Đối với hệ tim mạch, các chất ma túy sẽ kích thích làm tăng nhịp tim, ảnh hưởng trực tiếp lên tim, gây co thắt mạch vành tạo nên cơn đau thắt ngực,

nặng hơn có thể gây nhồi máu cơ tim. Chúng cũng là nguyên nhân của các rối loạn nhịp đe dọa tính mạng người dùng ma túy. Ngoài ra còn gây nên tình trạng co mạch làm tăng huyết áp.

- Đối với hệ sinh dục, nguy cơ bệnh lây truyền qua đường tình dục khá cao, khả năng tình dục của người nghiện ma túy suy giảm một cách rõ rệt và hậu quả này vẫn tồn tại sau khi ngưng dùng thuốc một thời gian khá lâu. Ở những nam giới dùng ma túy trong thời gian dài sẽ bị chứng vú to (*gynecomastia*) và bất lực. Còn ở phụ nữ sẽ bị rối loạn chu kỳ kinh nguyệt, rong kinh, tăng tiết sữa bất thường và vô sinh.

4. Dấu hiệu để nhận biết người nghiện ma túy.

Theo tài liệu của Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy thì có các cách nhận biết một người đã nghiện ma túy qua các biểu hiện sau đây:

- Thay đổi bất thường giờ giấc sinh hoạt: thức khuya, đêm ít ngủ, dậy muộn, ngày ngủ nhiều.

- Hay tụ tập, đi lại đàn đám với những người không có công ăn việc làm, không lao động, không học hành, hay chơi thân với người nghiện ma túy.

- Đi lại có quy luật, mỗi ngày cứ đến một giờ nhất định nào đó dù có đang bận việc gì cũng tìm cách kiếm cơ để “đi”.

- Thích ở một mình, ít hoặc ngại tiếp xúc với mọi người (kể cả người thân trong gia đình).

- Tâm trạng thường lo lắng, bồn chồn, đôi khi nói nhiều, nói dối, hay có biểu hiện chống đối, cáu gắt.

- Hay ngáp vặt, người lừ đừ, mệt mỏi, lười lao động, không chăm lo vệ sinh cá nhân, nếu là học sinh thì thường đi muộn, trốn học, lực học giảm sút, ngồi học trong lớp hay ngủ gà ngủ gật.

- Nhu cầu tiêu tiền ngày một nhiều, sử dụng tiền không có lý do chính đáng, thường xuyên xin tiền người thân, hay bán đồ đạc cá nhân và của gia đình, nợ nần nhiều, ăn cắp vặt.

- Túi quần, áo, cặp sách, phòng ở thường có nhiều thứ như: giấy bạc, thuốc lá, kẹo cao su, bật lửa ga, bơm xi lanh, kim tiêm, ống thuốc, thuốc phiện, gói nhỏ hêrôin.

- Có dấu kim tiêm trên mạch máu ở mu bàn tay, cổ tay, mặt trên khừu tay, mặt trong mắt cá chân, bẹn, ở cổ.

- Đối với người đã nghiện nặng, ngoài các dấu hiệu trên còn biểu hiện: Sức khỏe giảm sút rõ rệt; thường xuyên ngáp vặt; mắt lờ đờ; da tái, môi thâm, cơ thể hôi hám, ít tắm giặt, ăn mặc luộm thuộm.

II. TỘI PHẠM VỀ MA TÚY

1. Tình hình tội phạm về ma túy trong thời gian qua

Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ, năm 2016 tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy tuy được kiềm chế nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, khó lường. Trên tuyến biên giới Tây Bắc và Bắc miền Trung thường xuyên phát hiện các đường dây vận chuyển ma túy vào nội địa với số lượng gia tăng nhanh chóng (gấp 4,6 lần so với năm 2015), đặc biệt là việc mua bán, vận chuyển và sử dụng ma túy tổng hợp (nhóm ATS).

Các lực lượng chức năng bắt giữ 1.030kg và 635.681 viên ma túy tổng hợp (tăng 95% so với cùng kỳ), ngoài ra còn thu giữ nhiều loại ma túy khác như: 876,8kg heroin, 152kg thuốc phiện, 20,8kg cocain, 637,3kg cần sa khô.

Tình trạng vận chuyển ma túy qua đường hàng không, đường biển vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức và có dấu hiệu sản xuất ma túy tổng hợp trên biển. Tình hình mua bán, vận chuyển ma túy tổng hợp, nhất là ma túy tổng hợp dạng đá tiếp tục tăng, xuất hiện tình trạng mua bán một số chất hướng thần có mức độ nguy hại và độc tính cao. Việc lợi dụng các quán bar, vũ trường, nhà nghỉ để sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy ở các thành phố lớn tiếp tục diễn ra phức tạp.

Trồng và tái trồng cây có chứa chất ma túy thời gian qua được kiềm chế. Tuy nhiên, trồng và tái trồng cây thuốc phiện tại các tỉnh miền núi phía Bắc, cây cần sa ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và phía Nam vẫn tiếp diễn; số lượng tuy không nhiều nhưng nếu không được ngăn chặn kịp thời dễ dẫn đến nguy cơ bùng phát.

Năm 2017, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy ở Việt Nam tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Ma túy phần nhiều được mua bán, vận chuyển trái phép qua các tuyến biên giới Việt - Lào, Việt - Trung, Việt Nam - Campuchia và qua tuyến đường hàng không, đường biển vào Việt Nam tiêu thụ hoặc vận chuyển đi nước thứ ba.

Lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã phối hợp cùng các lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ bắt giữ gần 3.500 người liên quan đến tội phạm ma túy (tăng 10% so với năm 2016) với hơn 2,5 tấn ma túy các loại. (Trong đó có hơn 900 kg heroin, 857 kg và gần 1 triệu viên ma túy tổng hợp - lượng heroin thu giữ được nhiều hơn 30% so với năm 2016).

Ngoài ra, cơ quan chức năng còn thu giữ hàng tạ thuốc phiện, cocain, cần sa khô, cỏ Mỹ và gần 320 khẩu súng các loại. Cơ quan chức năng cũng báo động tình trạng đáng lo ngại là tội phạm tìm cách sản xuất, tách chiết để sản xuất ma túy tổng hợp ngay trong nội địa có dấu hiệu gia tăng.

Riêng đối với tỉnh Kon Tum, tuy không phức tạp như các địa phương trên cả nước nhưng hoạt động của tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh chủ yếu lấy khu vực biên giới làm khâu trung chuyển ma túy. Để ngăn chặn, hạn chế tình hình tội phạm ma túy xâm nhập làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương, lực lượng Công an đã tham mưu các cấp lãnh đạo huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các lực lượng chức năng và quần chúng tham gia vận động, tuyên truyền, giáo dục và đấu tranh, xử lý tội phạm ma túy.

Đặc thù của tỉnh Kon Tum có hai tuyến biên giới tiếp giáp với hai nước bạn Lào và Campuchia, nhiều tuyến đường huyết mạch nối với các tỉnh miền Bắc, Trung và Nam; trên tuyến biên giới có nhiều công trình xây dựng và hoạt động khai thác lâm, khoáng sản trái phép. Bên cạnh đó hoạt động qua lại của cư dân sinh sống khu vực hai bên biên giới, địa bàn có nhiều người dân di cư từ các tỉnh phía Bắc vào sinh sống... nên tội phạm ma túy thường lợi dụng yếu tố này để mua bán, vận chuyển ma túy trái phép từ Lào về địa bàn tỉnh ta.

Thực tế trong những năm gần đây, các lực lượng chức năng cũng đã phát hiện nhiều vụ vận chuyển ma túy với số lượng lớn từ Lào qua Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, sau đó vận chuyển ra các tỉnh phía Bắc để tiêu thụ, làm phức tạp tình hình và gây khó khăn trong công tác đấu tranh với tội phạm ma túy.

Quyết tâm giữ vững địa bàn “sạch” về ma túy, trong những năm qua các lực lượng chức năng của Công an đã tích cực phối hợp với các đơn vị liên quan chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng, củng cố bộ máy chính trị ở cơ sở vững mạnh để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh với các loại tội phạm nói chung, tội phạm ma túy nói riêng.

Theo đó, lực lượng Cảnh sát điều tra phòng chống tội phạm về ma túy đã triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, tập trung đấu tranh, trấn áp mạnh mẽ với tội phạm về ma túy. Hàng năm số vụ, số đối tượng được phát hiện xử lý triệt để, các vụ án được làm rõ chiếm tỷ lệ cao. Số người nghiện được không chế, không để xảy ra các điểm nóng, các tụ điểm phức tạp về ma túy trên tuyến biên giới. Tính từ năm 2014 đến hết tháng 5/2017, toàn tỉnh đã phát hiện, bắt giữ 249 vụ-448 đối tượng phạm tội và vi phạm pháp luật về ma túy (riêng tại các địa bàn biên giới phát hiện, bắt giữ 54 vụ - 71 đối tượng), thu giữ trên 427g heroin, 137g ma túy tổng hợp, 3.104 viên ma túy tổng hợp; khởi tố điều tra 134 vụ - 197 bị can... Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn tỉnh phát hiện 29 vụ - 48 đối tượng có liên quan đến ma túy.

2. Các tội phạm về ma túy

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất,

toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự (*Khoản 1 Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015*).

Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017 (*gọi chung là Bộ Luật Hình sự năm 2015*) gồm 3 phần, 26 chương với 426 Điều, trong đó có 13 Điều (*từ Điều 247 đến Điều 259*) quy định về các tội phạm liên quan đến ma túy, so với Bộ luật Hình sự năm 1999 tăng 03 điều (*được tách ra từ Điều 194 và Điều 200 của Bộ luật Hình sự năm 1999*).

2.1. Tổng quan chung về những nội dung sửa đổi, bổ sung

a. Quy định cụ thể hơn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm và định lượng đối tượng tác động, hậu quả do tội phạm gây ra; đồng thời phân hóa trách nhiệm giữa các hành vi phạm tội đảm bảo tính công bằng trong việc xử lý tội phạm. Như vậy, đã tạo thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật. Cụ thể:

- Quy định rõ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm tại 05 điều luật (*Điều 249, 250, 252, 257 và 258*), bổ sung để làm rõ hành vi “*chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” ở Điều 256, bổ sung và sắp xếp lại cho phù hợp với quy trình quản lý chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần ở Điều 259.

- Quy định rõ các trường hợp cụ thể nếu người thực hiện hành vi phạm tội phạm phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự ngay tại khoản 1 của 07 điều luật (*Điều 247, 249, 250, 252, 253, 254, 259*).

- Quy định rõ mức tối thiểu chất ma túy mà người thực hiện hành vi phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự vào 06 điều luật (*Điều 247, 249, 250, 252, 253, 254*).

Đây là điểm mới nhất trong Chương này, theo đó, việc xử lý giải quyết các vụ liên quan đến ma túy chỉ căn cứ theo quy định của Bộ luật Hình sự, không phải theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch nữa.

b. Sửa đổi, bổ sung hoặc tách một số điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Có 7 điều luật được sửa đổi, bổ sung, gồm các Điều 247, 248, 253, 254, 255, 256, 259.

- Có 06 điều luật được tách ra từ Điều 194, Điều 200 Bộ luật Hình sự 1999 là các Điều 249, 250, 251, 252, 257, 258.

c. Thay đổi đơn vị đo trọng lượng thành khối lượng cho đúng với đơn vị đo lường theo quy định của pháp luật quốc tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan của Nhà nước ta.

d. Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

- Bỏ hình phạt tử hình đối với 02 tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội chiếm chất ma túy. Hình phạt cao nhất đối với các tội phạm này theo quy định của Điều 249 và Điều 252 Bộ luật Hình sự năm 2015 là tù chung thân.

- Mức hình phạt tù được quy định thấp hơn ở một số tội phạm thuộc các điều luật (*Điều 249, 252, 258, 259*).

- Hình phạt bổ sung bằng tiền:

+ Có 02 điều quy định nâng mức khởi điểm hình phạt bổ sung lên: Từ 1 triệu đồng (*Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 1999*) lên 5 triệu đồng (*Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015*); Từ 5 triệu đồng (*Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1999*) lên 10 triệu đồng (*Điều 259 Bộ luật Hình sự năm 2015*).

+ Có 11 điều luật giữ nguyên: Từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng là các điều: 248, 249, 250, 251, 252, 254; Từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng là Điều 253; Từ 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng là Điều 255; Từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng là Điều 256; Từ 5 triệu đồng đến 100 triệu đồng là Điều 257 và Điều 258.

- Sắp xếp lại các tình tiết tại khoản quy định hình phạt bổ sung tại các điều 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255 về nội dung “*cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm*” lên trước “*tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

- Đưa quy định việc miễn trách nhiệm hình sự vào một trường hợp cụ thể (khoản 4 Điều 247).

đ. Bổ sung thêm tên một số ma túy thường gặp trực tiếp vào điều luật:

- Bổ sung “*cây cô ca, cây cần sa*” vào tên của Điều 247.

- Bổ sung 04 chất ma túy ở thể rắn là “*Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11*” vào các điểm, khoản của các điều: 248, 249, 250, 251, 252.

- Bổ sung thêm: “*rễ, thân, cành cây cần sa*”, lá khát (lá cây *Catha edulis*) vào các điểm khoản của các điều: 249, 250, 251, 252; đồng thời bổ sung vào từng điều, khoản, điểm có liên quan quy định mang tính khái quát là “*bộ phận của cây khác có chứa ma túy do Chính phủ quy định*” để bao quát các trường hợp phạm tội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống ma túy.

2.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung, cơ bản trong các điều luật liên quan đến ma túy.

a. Tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247).

Qua tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự năm 1999 cho thấy việc quy định cấu thành cơ bản của tội này phải đồng thời thỏa mãn 03 điều kiện là 1- đã được giáo dục nhiều lần; 2- đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống, 3- đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm không còn phù hợp với thực tế diễn biến của tội phạm này trong những năm gần đây. Vì việc trồng cây thuốc phiện hoặc các cây khác có chứa chất ma túy không chỉ diễn ra ở miền núi, vùng dân tộc ít người mà còn diễn ra ở vùng đồng bằng, thành phố. Mặt khác, do điều luật chưa quy định cụ thể về diện tích, số lượng trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy nên thời gian qua các cơ quan tiến hành tố tụng chưa xử lý được vụ án nào, dẫn đến tình trạng tái trồng cây thuốc phiện diễn biến phức tạp.

Do vậy, tại khoản 1 Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa theo hướng người phạm tội chỉ cần thỏa mãn một trong các điều kiện là:

(1) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;

(2) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

(3) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây.

Vậy, hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma túy nêu trên chỉ bị xử lý hình sự trong ba trường hợp sau đây:

Thứ nhất, người có hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma túy đã từng được cơ quan có thẩm quyền vận động, thuyết phục, nhắc nhở, yêu cầu chấm dứt việc trồng cây và phá bỏ cây đã trồng, hoặc phổ biến đường lối, chính sách, quy định của pháp luật 02 lần. Đồng thời, người trồng cây đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống như: được Nhà nước hỗ trợ về tiền vốn, kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi hoặc đã được hướng dẫn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt các loại cây khác như cây ăn quả, cây lương thực... để thay thế các loại cây có chứa chất ma túy mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trồng các loại cây trên.

Thứ hai, người thực hiện hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma túy mà trước đó đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích thì cũng phải chịu TNHS về tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy.

Thứ ba, người phạm tội đã thực hiện hành vi trồng các loại cây có chứa chất ma túy với số lượng từ 500 cây trở lên. Trong các trường hợp này, người phạm tội sẽ bị xử phạt theo khung hình phạt cơ bản được quy định tại khoản 1

Điều 247 là phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nếu số lượng cây được trồng từ 3.000 cây trở lên, hoặc thực hiện việc trồng cây “có tổ chức” hay thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm thì người phạm tội sẽ bị xử lý theo khung hình phạt nặng được quy định tại khoản 2 Điều 247 là phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Trong trường hợp “*người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*” (khoản 4 điều 247). Quy định mới này vừa thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, vừa thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với những người có hành vi trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy.

- Khoản 2 bổ sung tình tiết “*Với số lượng 3.000 cây trở lên*” là tình tiết định khung tại khoản này.

- Khoản 3 tăng hình phạt tiền bổ sung lên “*từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

- Khoản 4 bổ sung quy định mới: “*Người nào phạm tội thuộc khoản 1 Điều này, nhưng đã tự nguyện phá bỏ, giao nộp cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trước khi thu hoạch, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*”.

b. Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248).

- Điểm mới của điều luật này là bổ sung các chất ma túy mới là *Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11* với chung chính sách hình sự như *hêrôin, côcain* được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015. Theo đó, *Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11* là các chất ma túy tổng hợp có tính gây nghiện và tác hại rất lớn như *heroine* và *cocaine* nhưng chưa được quy định cụ thể trong điều luật nên chỉ bị xử lý như các trường hợp vi phạm đối với các chất ma túy khác ở thể rắn (định lượng cao hơn *heroine* và *cocaine*) nên không công bằng trong chính sách hình sự, điều này vô tình khuyến khích hành vi mua bán, vận chuyển, sử dụng ma túy tổng hợp thay thế ma túy truyền thống, có nguồn gốc tự nhiên.

- Bổ sung cụm từ “*hoặc thể tích*” vào từng khoản, điểm quy định đối với 02 chất ma túy trở lên để đảm bảo quy định đầy đủ chất ma túy ở thể lỏng.

- Tại Điều 248, ngoài khung hình phạt cơ bản thuộc khoản 1 với mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, còn quy định 3 khung hình phạt tăng nặng, cụ thể:

+ Khung hình phạt thuộc khoản 2, phạt tù từ 07 năm đến 15 năm khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng: Có tổ chức; Phạm tội 02 lần trở lên; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; Nhựa thuộc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ

500 gam đến dưới 01 kilôgam; Heroine, cocain hoặc Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 200 mililit; Tái phạm nguy hiểm; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản này.

+ Khung hình phạt thuộc khoản 3, phạt tù từ 15 năm đến 20 năm khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau đây: Có tính chất chuyên nghiệp (được hiểu là người phạm tội đã nhiều lần sản xuất ma túy và lấy việc sản xuất ma túy làm nguồn thu nhập chính, nguồn sống chính của bản thân và gia đình); Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 05 kilôgam; Heroine, cocaine hoặc Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 200 mililit đến dưới 750 mililit; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm đ khoản này.

+ Khung hình phạt thuộc khoản 4, phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình khi người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau đây: Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 05 kilôgam trở lên; Heroine, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam trở lên; Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 300 gam trở lên; Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 750 mililit trở lên; Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này.

Ngoài hình phạt chính được quy định từ khoản 1 đến khoản 4, người sản xuất trái phép chất ma túy còn có thể bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung bao gồm: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

c. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Điều 249)

Điều luật này được tách từ Điều 194 quy định về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy của Bộ luật Hình sự năm 1999. Việc tách như vậy để phân hóa chính sách hình sự phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của từng hành vi phạm tội và giảm hình phạt tử hình theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 05-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược

cải cách tư pháp đến năm 2020 và cụ thể hóa bảo vệ quyền con người theo tinh thần Hiến pháp 2013.

Theo Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, hình phạt cao nhất quy định đối với tội phạm này là tử hình, tuy nhiên tại Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, hình phạt cao nhất quy định đối với tội phạm này là tù chung thân (*bỏ hình phạt tử hình đối với tội phạm này*).

Việc xử lý hành vi này đòi hỏi phải làm rõ mục đích của người thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể là: "...*mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy...*". Còn nếu tàng trữ trái phép vì mục đích để mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này mà tùy từng trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh tương ứng.

Đây là tội phạm có cấu thành vật chất, nên trừ trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251, 252, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì các hành vi còn lại người thực hiện hành vi chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này phải là tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng nhất định, dưới số lượng đó chỉ có thể bị xử lý hành chính.

- Tương tự bổ sung các chất ma túy mới là *Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11* với chung chính sách hình sự như heroine, cocaine được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015; Bổ sung thêm: "*rễ, thân, cành cây cần sa*", lá khát (lá cây *Catha edulis*) vào các điểm, khoản của điều 249; đồng thời bổ sung vào từng khoản, điểm có liên quan quy định mang tính khái quát là "*bộ phận của cây khác có chứa ma túy do Chính phủ quy định*" để bao quát các trường hợp phạm tội.

- Bổ sung cụm từ "*hoặc thể tích*" vào từng khoản, điểm quy định đối với 02 chất ma túy trở lên để đảm bảo quy định đầy đủ chất ma túy ở thể lỏng.

- Tại Điều 249 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm o khoản 2.

+ *Khung 3*: Quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

đ. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 250)

- Tại Điều 250, việc xử lý hành vi này cũng đòi hỏi phải làm rõ mục đích của người thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể là: “...*không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy*...”. Nếu vận chuyển trái phép chất ma túy mà nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy thì tùy từng trường hợp sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng.

Đây cũng là tội phạm có cấu thành vật chất, nên trừ trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251, 252, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì các hành vi còn lại người thực hiện hành vi chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này phải là hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy với số lượng nhất định mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự, dưới số lượng đó chỉ có thể bị xử lý hành chính.

- Tương tự bổ sung các chất ma túy mới là *Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11* với chung chính sách hình sự như heroine, cocaine được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015; Bổ sung thêm: “*rễ, thân, cành cây cần sa*”, lá khát (lá cây *Catha edulis*) vào các điểm, khoản của điều 250; đồng thời bổ sung vào từng khoản, điểm có liên quan quy định mang tính khái quát là “*bộ phận của cây khác có chứa ma túy do Chính phủ quy định*” để bao quát các trường hợp phạm tội.

- Bổ sung cụm từ “*hoặc thể tích*” đối với quy định về 02 chất ma túy trở lên để đảm bảo quy định đầy đủ chất ma túy ở thể lỏng.

- Tại Điều 250 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội thoả mãn các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm p khoản 2. Trong đó cần lưu ý điểm đ khoản 2 quy định tình tiết “*sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội*” được hiểu là việc người phạm tội sử dụng

trẻ em dưới 14 tuổi để vận chuyển ma túy hoặc sử dụng trẻ em từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi nhưng không phải là đồng phạm với người phạm tội vận chuyển.

+ *Khung 3*: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với người phạm tội có các tình tiết tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

e. Tội mua bán trái phép chất ma túy (Điều 251)

Đây là điều luật được tách từ Điều 194 quy định về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Tương tự bổ sung các chất ma túy mới là *Methamphetamine*, *Amphetamine*, *MDMA*, *XLR-11* với chung chính sách hình sự như heroine, cocaine được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015; Bổ sung thêm: “*rễ, thân, cành cây cần sa*”, lá khát (lá cây *Catha edulis*) vào các điểm, khoản của điều 251; đồng thời bổ sung vào từng khoản, điểm có liên quan quy định mang tính khái quát là “*bộ phận của cây khác có chứa ma túy do Chính phủ quy định*” để bao quát các trường hợp phạm tội.

- Bổ sung cụm từ “*hoặc thể tích*” vào từng khoản, điểm quy định đối với 02 chất ma túy trở lên để đảm bảo quy định đầy đủ chất ma túy ở thể lỏng.

- Tại Điều 251 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với người phạm tội theo khoản 2. Trong đó, điểm e khoản 2 “sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi”. Việc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi cần phân biệt rõ, nếu người phạm tội bán cho người đủ 14 đến dưới 16 tuổi mà những người này bị truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy thì người phạm tội không bị coi là tình tiết tăng nặng khung hình phạt theo khoản 2 Điều này. Nếu người dưới 16 tuổi không bị coi là đồng phạm họ mua để sử dụng hoặc bị truy tố

về tội phạm khác thì người bán ma túy phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết “*bán ma túy cho người dưới 16 tuổi*”.

+ *Khung 3*: Quy định hình phạt tù từ 15 đến 20 năm áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết nặng thuộc khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết nặng thuộc khoản 4.

Ngoài ra còn áp dụng hình phạt bổ sung như: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

f. Tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252)

Đây là điều luật được tách từ Điều 194 “*Tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy*” của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cũng tương tự như Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Điều 252 bỏ hình phạt tử hình, hình phạt cao nhất quy định đối với tội phạm này là tù chung thân.

Đây cũng là tội phạm có cấu thành vật chất, nên trừ trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các Điều 248, 250, 251, 252, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì các hành vi còn lại người thực hiện hành vi chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội này phải với số lượng nhất định, dưới số lượng đó chỉ có thể bị xử lý hành chính.

- Tương tự bổ sung các chất ma túy mới là *Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, XLR-11* với chung chính sách hình sự như heroine, cocaine được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015; Bổ sung thêm: “*rễ, thân, cành cây cần sa*”, lá khát (lá cây *Catha edulis*) vào các điểm, khoản của Điều 252; đồng thời bổ sung vào từng khoản, điểm có liên quan quy định mang tính khái quát là “*bộ phận của cây khác có chứa ma túy do Chính phủ quy định*” để bao quát các trường hợp phạm tội.

- Bổ sung cụm từ “*hoặc thế tích*” vào từng khoản, điểm quy định đối với 02 chất ma túy trở lên để đảm bảo quy định đầy đủ chất ma túy ở thể lỏng.

- Hình phạt được quy định tại Điều 252 bao gồm 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: người phạm tội phải chịu mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết từ điểm a đến điểm i khoản 1.

+ *Khung 2*: hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm o khoản 2.

+ *Khung 3*: hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 4.

Hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm tội bao gồm: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

g. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 253).

Điểm mới của điều luật:

- Người thực hiện hành vi vi phạm mà trước đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Tiền chất ở thể rắn có khối lượng từ 50 gam, tiền chất ở thể lỏng có thể tích từ 75 mililit trở lên. Trường hợp người thực hiện một trong các hành vi được nêu trong điều luật này nhưng có số lượng tiền chất dưới 50 gam đối với tiền chất ở thể rắn hoặc dưới 75 mililit đối với tiền chất ở thể lỏng trở lên và trước đó người thực hiện hành vi vi phạm chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc chưa bị kết án về tội này thì không cấu thành tội phạm, người vi phạm chỉ có thể bị xử lý hành chính.

- Bổ sung tiền chất ở thể lỏng là đối tượng tác động của tội phạm ở các khung hình với định lượng cụ thể.

- Bổ sung khoản 5 quy định về quy đổi số lượng tiền chất ở các thể khác nhau để đưa về cùng đơn vị đo làm căn cứ tính tổng số lượng tiền chất làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hình phạt quy định tại Điều 253 bao gồm 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: phạt tù từ 01 năm đến 06 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết thuộc khoản 1.

+ *Khung 2*: phạt tù từ 06 năm đến 13 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 2.

+ *Khung 3*: phạt tù từ 13 năm đến 20 năm, áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 3.

+ *Khung 4*: phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng thuộc khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một trong số các hình phạt bổ sung là: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

h. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 254).

Điểm mới của điều luật:

- Tên điều luật có sự thay đổi. Tại Điều 254 có bổ sung chữ “*hoặc*” giữa cụm từ “*vận chuyển*” và “*mua bán*”, bỏ chữ “*các*” giữa cụm từ “*mua bán*” và “*phương tiện*” của tên tại Điều 196 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Các hành vi vi phạm chỉ bị coi là hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Người thực hiện hành vi vi phạm mà trước đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi nêu trong Điều luật hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

+ Có từ 06 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy trở lên.

Trường hợp người thực hiện một trong các hành vi được nêu trong điều luật này nhưng có số lượng dưới 06 đơn vị dụng cụ, phương tiện cùng loại hoặc khác loại dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy trở lên và trước đó người thực hiện hành vi vi phạm chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi nêu trong Điều luật hoặc chưa bị kết án về tội này thì không cấu thành tội phạm, người vi phạm chỉ có thể bị xử lý hành chính.

- Quy định cụ thể số lượng dụng cụ dùng làm căn cứ để định khung hình phạt tại các khoản của điều luật.

- Bổ sung 01 tình tiết định khung tại điểm g khoản 2 “*Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội*”.

- Tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định 2 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 06 năm đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng từ điểm a đến điểm h khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

i. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 255)

Điểm mới của điều luật quy định rõ với những định lượng cụ thể: Quy định tỷ lệ “*tổn thương cơ thể*” thay cho “*thương tật*”; Quy định số người bị gây tổn hại sức khỏe và tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người.

- Tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: phạt tù từ 02 năm đến 07 năm đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: phạt tù từ 07 năm đến 15 năm đối với người phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2.

+ *Khung 3*: phạt tù từ 15 năm đến 20 năm đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 3.

+ *Khung 4*: phạt tù 20 năm hoặc tù chung thân đối với người phạm tội có một trong các tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 4.

Hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung là: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

k. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256)

- Điều luật chỉ chỉnh sửa quy định ở khoản 1, theo đó bổ sung quy định “*nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này*” (tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy) để phân biệt giữa tội này với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Tại Điều 256 quy định 02 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

l. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257)

Điều này được tách ra từ Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Điểm mới của điều luật:

- Quy định một tội danh độc lập nhằm phân hóa chính sách hình sự giữa các tội phạm này.

- Mô tả cụ thể hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm, đó là hành vi dùng *"vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ"*.

- Khoản 4 điều này chỉ quy định việc *"làm chết 02 người trở lên"*, bỏ trường hợp *"hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác"*.

- Tại Điều 257 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

+ *Khung 3*: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4.

Ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

m. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258)

Điều này được tách ra từ Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Điểm mới của điều luật:

- Tương tự Điều 257, điều này chỉ quy định một tội danh cụ thể để phân hóa chính sách hình sự giữa các tội phạm này.

- Mô tả cụ thể hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm, đó là hành vi *"rủ rê, dụ dỗ, xúi giục hoặc bằng các thủ đoạn khác nhằm lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Hình phạt được sửa đổi theo hướng giảm nhẹ hơn so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, cụ thể: *Khoản 1 bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm tù; khoản 2 từ 5 năm đến 10 năm; khoản 3 từ 10 năm đến 15 năm và khoản 4 từ 15*

năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

- Điều 258 quy định 4 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

+ *Khung 3*: Quy định hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3.

+ *Khung 4*: Quy định hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

n. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259)

Điểm mới của điều luật:

- Sửa lại tên điều luật theo hướng bổ sung cụ thể “*tiền chất*” và “*thuốc hướng thần*” vào để thay thế cụm từ “*hoặc các chất ma túy khác*”.

- Sửa đổi cấu thành cơ bản của tội phạm: Bổ sung dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm là “*đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm về ma túy, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”.

- Điều luật tăng mức phạt tiền tối thiểu ở khoản 1, giảm mức phạt tù ở khoản 2 so với quy định của Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Điều 259 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định 3 khung hình phạt chính:

+ *Khung 1*: Quy định hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.

+ *Khung 2*: Quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm, áp dụng đối với người phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

III. PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

1. Trách nhiệm trong công tác phòng, chống ma túy.

Khoản 7 Điều 2 Luật phòng, chống ma túy quy định phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy. Cụ thể:

+ *Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm (Điều 6, Điều 7, Điều 8 Luật phòng, chống ma túy):*

- Giáo dục thành viên trong gia đình, thân nhân về tác hại của ma túy và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn thành viên trong gia đình tham gia tệ nạn ma túy.

- Thực hiện đúng chỉ định của thầy thuốc về sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần để chữa bệnh.

- Đấu tranh với các hành vi trái phép về ma túy của thân nhân và của người khác.

- Tham gia, hỗ trợ hoạt động cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện và tại cộng đồng; theo dõi, giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

- Phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền.

- Phát hiện, báo cáo kịp thời cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền việc trồng cây có chứa chất ma túy; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

- Tại các vùng phải xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

+ *Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm (Điều 9 Luật phòng, chống ma túy):*

- Tổ chức và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tuyên truyền, giáo dục nhân dân kiến thức, pháp luật về phòng, chống ma túy; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh.

- Phòng ngừa, ngăn chặn người của tổ chức mình và mọi công dân tham gia tệ nạn ma túy.

- Giám sát hoạt động phòng, chống ma túy ở cơ quan, nhà trường, các cơ sở giáo dục khác và địa bàn dân cư.

- Phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan có thẩm quyền để vận động cai nghiện ma túy; tham gia giáo dục, dạy nghề, tìm việc làm và giúp đỡ người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

+ *Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm (Điều 10 Luật phòng, chống ma túy):*

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy.

- Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy.

- Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

+ *Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân có trách nhiệm (Điều 11 Luật phòng, chống ma túy):*

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tệ nạn ma túy; tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

+ *Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm (Điều 12 Luật phòng, chống ma túy):*

Phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

2. Quyền lợi của cá nhân, tổ chức, gia đình khi tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy (Điều 14, Điều 52 Luật phòng, chống ma túy)

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy được Nhà nước bảo vệ và giữ bí mật.

- Trường hợp cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức do tham gia phòng, chống ma túy mà bị thiệt hại về tài sản thì được Nhà nước đền bù; trường hợp cá nhân bị thương tích, tổn hại về sức khoẻ hoặc bị thiệt hại về tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng, chống ma túy thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy (Điều 36 Luật phòng, chống ma túy)

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chủ trương, chính sách, kế hoạch về phòng, chống ma túy.
- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.
- Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về phòng, chống ma túy.
- Ban hành, sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần.
- Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.
- Quyết định thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của các cơ sở khác về cai nghiện ma túy; tổ chức và quản lý việc cai nghiện ma túy và hoà nhập cộng đồng cho người đã cai nghiện ma túy.
- Tổ chức đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.
- Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy.
- Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng, chống ma túy.
- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống ma túy.
- Hợp tác quốc tế về phòng, chống ma túy.
- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

III. CAI NGHIỆN MA TÚY

1. Tình hình người nghiện và công tác cai nghiện ma túy trong thời gian qua.

Theo Báo cáo của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội, năm 2006 cả nước có 210.751 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý, tăng 10.617 người so với cùng kỳ năm 2015 (200.134 người).

Thời điểm tháng 2/2017, số người nghiện có hồ sơ quản lý ở Thành phố Hồ Chí Minh là 21.712 người - dẫn đầu cả nước; Hà Nội là 12.803 người, Điện Biên 9.481 người, Sơn La có 8.388 người, Nghệ An là 6.989, Thanh Hoá 6.911 người, Đồng Nai là 3.357 và Bình Dương là 2.395 người...

Ngoài nghiện heroin, số người sử dụng ma túy tổng hợp dạng Amphetamine (ATS), cô mã tăng nhanh; đặc biệt ở các tỉnh, thành phố phía Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu... Người sử

dụng ma túy dạng tổng hợp có biểu hiện rối loạn tâm thần và một số có hành vi mất kiểm soát ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

Cũng theo báo cáo, cả nước có 132 cơ sở cai nghiện ma túy, trong đó 110 cơ sở công lập và 22 cơ sở ngoài công lập. Ngoài ra, tại 23 tỉnh, thành phố tổ chức được 35 điểm tư vấn, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng.

Đến thời điểm đó, tổng số người được điều trị cai nghiện tại các cơ sở là 27.918 học viên. Trong đó, cai nghiện bắt buộc 17.488 học viên, tăng 12.461 người so với năm 2015 (có 10.422 học viên không có nơi cư trú ổn định, chiếm 59,5%); cai nghiện tự nguyện tại cơ sở công lập cho 2.576 học viên; điều trị thay thế bằng thuốc Methadone cho 50.663 người, trong đó tại các cơ sở y tế là 48.229 người, ngành Lao động Thương Binh và Xã hội là 2.434 người; cai nghiện tại cơ sở tư nhân cho 5.300 lượt học viên...

Theo Toà án Nhân dân tối cao, trong năm 2016, các toà án thụ lý 18.916 vụ với 24.360 bị cáo phạm các tội về ma túy; đưa ra xét xử 16.481 vụ với 20.686 bị cáo. Riêng từ ngày 01/10/2016 đến hết ngày 31/01/2017, các toà án thụ lý 6.029 vụ với 5.284 bị cáo; xét xử 4.232 vụ với 5.284 bị cáo.

Cũng trong năm vừa qua, các TAND cấp huyện thụ lý, xét xử, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với 13.302 trường hợp (chiếm 94,05%). Riêng từ ngày 01/10/2016 đến hết ngày 31/01/2017, có 7.196 trường hợp đi cai nghiện bắt buộc, đạt 97,6%.

Đối với tỉnh Kon Tum, theo thống kê cho thấy, năm 2017 toàn tỉnh có 446 người nghiện ma túy, tập trung chủ yếu ở thành phố Kon Tum và huyện Ngọc Hồi. Trong đó, 197 người đang điều trị bằng thuốc thay thế Methadone, số còn lại hiện đang sống và cai nghiện tại cộng đồng. Trong năm, các đơn vị chức năng tích cực phối hợp chính quyền địa phương tổ chức lớp dạy nghề đặc biệt cho các đối tượng sau cai; tạo việc làm để người nghiện ma túy, người hoạt động mại dâm tại xã Đăk Xứ, huyện Ngọc Hồi và phường Duy Tân, thành phố Kon Tum ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng.

2. Cai nghiện ma túy.

2.1. Trách nhiệm của người nghiện, gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã trong cai nghiện ma túy (Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy)

+ *Người nghiện ma túy có trách nhiệm:*

- Tự khai báo về tình trạng nghiện ma túy của mình với cơ quan, tổ chức nơi làm việc hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú và tự đăng ký hình thức cai nghiện ma túy;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cai nghiện ma túy.

+ *Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm:*

- Khai báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về người nghiện ma túy trong gia đình mình và đăng ký hình thức cai nghiện cho người đó;

- Động viên, giúp đỡ và quản lý người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế và ủy ban nhân dân cấp xã;

- Theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội;

- Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện và đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định của pháp luật.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cho người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy khai báo về tình trạng nghiện ma túy và đăng ký hình thức cai nghiện."

2.2. Biện pháp, hình thức cai nghiện ma túy (Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy)

- Biện pháp cai nghiện ma túy: Có 02 biện pháp gồm cai nghiện ma túy tự nguyện và Cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Hình thức cai nghiện ma túy: Có 03 hình thức gồm cai nghiện ma túy tại gia đình; Cai nghiện ma túy tại cộng đồng; Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

Hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng được áp dụng đối với người tự nguyện cai nghiện, trừ trường hợp người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện. Trường hợp người nghiện ma túy không tự nguyện cai nghiện thì áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức cai nghiện ma túy tại cộng đồng, hướng dẫn, hỗ trợ cai nghiện ma túy tại gia đình.

Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

2.3. Điều kiện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 28 và Điều 29, Luật phòng, chống ma túy)

+ *Đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên*

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã được cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định phải được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Việc đưa người cai nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Thời hạn cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 01 năm đến 02 năm.

- Người nghiện ma túy tự nguyện làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc và không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

- Tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc, chế độ cai nghiện bắt buộc, thủ tục đưa người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ *Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi*

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã được cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hoặc đã được giáo dục nhiều lần tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc không có nơi cư trú nhất định thì được đưa vào cơ sở cai nghiện dành riêng cho họ.

- Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tự nguyện hoặc gia đình làm đơn xin cai nghiện thì được nhận vào cai nghiện tại cơ sở cai nghiện dành riêng cho họ.

- Việc cai nghiện ma túy đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

- Tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc, thẩm quyền, thời hạn, chế độ cai nghiện, thủ tục đưa người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Chính phủ quy định.

2.4. Trách nhiệm UBND các cấp trong tổ chức cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy (Điều 34 Luật phòng, chống ma túy)

Ủy ban nhân dân các cấp nơi có người nghiện ma túy có trách nhiệm lập kế hoạch, tổ chức cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy tại địa phương; chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan Công an, Y tế, Giáo dục và đào tạo cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý, giáo dục người nghiện ma túy và người đã cai nghiện ma túy; hỗ trợ tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hoà nhập cộng đồng.

3. Quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

Việc tổ chức cai nghiện cho người nghiện ma túy là cần thiết nhằm giúp họ từ bỏ sự phụ thuộc vào chất gây nghiện, đồng thời trang bị, phục hồi cho họ các kỹ năng sống và kỹ năng lao động để đảm bảo thực hiện đầy đủ các vai trò của mình trong gia đình và xã hội. Vì vậy, ngày 09/9/2010 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng (*gọi tắt là Nghị định số 94/2010/NĐ-CP*). Theo đó, Nghị định số 94/2010/NĐ-CP gồm 5 chương với 39 điều. Cụ thể:

2.1. Chương I: Những quy định chung

Chương này gồm 07 điều (*từ điều 1 đến điều 7*), quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định, Giải thích từ ngữ; Độ tuổi, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng; Nguyên tắc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng; Tổ công tác cai nghiện ma túy; Các hành vi bị nghiêm cấm; Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

- Về độ tuổi, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng:

Nghị định quy định hình thức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ mười hai tuổi trở lên. Thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng từ sáu tháng đến mười hai tháng, tính từ ngày ký quyết định cai nghiện tại gia đình, quyết định cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng (*Điều 3*).

- Về nguyên tắc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng:

Theo quy định, Nhà nước khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện; tổ chức, hỗ trợ cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm tham gia, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức hoạt động cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (*Điều 4*).

- Về tổ công tác cai nghiện ma túy:

Theo Nghị định quy định Tổ công tác cai nghiện ma túy (*gọi tắt là Tổ công tác*) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, giải thể; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Theo đó, thành phần Tổ công tác gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ trưởng. Các thành viên gồm: cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh

và Xã hội, công an, cán bộ y tế cấp xã; đại diện khu dân cư (tổ dân phố, trưởng thôn, xóm, ấp, bản), đại diện Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận; người có chuyên môn về y tế, về cai nghiện ma túy, người tự nguyện tham gia công tác cai nghiện. Căn cứ vào số lượng người nghiện ma túy, tình hình thực tiễn của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng thành viên Tổ công tác và chỉ định Thường trực Tổ công tác theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Tổ trưởng Tổ công tác chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của tổ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ trưởng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan mà họ là thành viên để phân công công việc cho phù hợp.

Thành viên Tổ công tác được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí khi tham gia công tác quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma túy. Về mức chi hỗ trợ kinh phí cho cán bộ Tổ công tác khi tham gia công tác quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma túy do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định.

Tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

(1) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tiếp nhận khai báo và đăng ký cai nghiện; xây dựng kế hoạch cai nghiện; lập hồ sơ, tổ chức các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

(2) Phối hợp với Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú xem xét, đánh giá về tình trạng nghiện, hoàn cảnh gia đình, nhân thân của người nghiện ma túy để lập kế hoạch cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho phù hợp;

(3) Hướng dẫn người nghiện ma túy và gia đình hoặc người giám hộ thực hiện kế hoạch cai nghiện; hàng tháng nhận xét, đánh giá việc thực hiện và lưu hồ sơ của người cai nghiện;

(4) Hướng dẫn gia đình có người nghiện ma túy hoặc người giám hộ theo dõi, quản lý, chăm sóc, giúp đỡ người cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội để thay đổi hành vi, nhân cách và nâng cao năng lực tái hòa nhập cộng đồng;

(5) Tư vấn giúp đỡ người nghiện ma túy trong thời gian cai nghiện; tổ chức các hoạt động phục hồi chức năng, sức khỏe, khả năng học tập và lao động sản xuất (Điều 5).

- *Hành vi bị nghiêm cấm:* Tại Điều 6 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định 05 hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

(1) Không khai báo về tình trạng nghiện ma túy của bản thân.

(2) Không đăng ký hình thức cai nghiện khi đã nghiện ma túy.

(3) Chống lại hoặc cản trở việc thực hiện các quy định về cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

(4) Xâm phạm thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

(5) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện các hoạt động cai nghiện ma túy trái pháp luật.

- Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (Điều 7):

+ Kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng từ các nguồn, đó là ngân sách địa phương; Ngân sách trung ương bố trí thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy; Đóng góp của cá nhân, gia đình người cai nghiện ma túy; Huy động từ nguồn ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ các nội dung chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng như sau:

Đối với hình thức tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình: Hỗ trợ một lần tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; Lập, xét duyệt hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện.

Đối với hình thức cai nghiện ma túy tại cộng đồng: Hỗ trợ một lần tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; Chi đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở điều trị cắt cơn; Chi hoạt động thường xuyên của cơ sở điều trị cắt cơn; Chi lập, xét duyệt hồ sơ cai nghiện.

Chi hỗ trợ kinh phí cho cán bộ Tổ công tác khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện.

2.2 Chương II. Đối tượng, thủ tục tự cai nghiện ma túy tại gia đình, tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

Chương này gồm 4 điều (từ điều 8 đến điều 21), chia thành 3 mục:

a. Mục 1: Đối tượng, thủ tục tự cai nghiện ma túy tại gia đình, gồm 4 điều (từ điều 8 đến điều 11), quy định đối tượng tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia

đình; Đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình; Xem xét áp dụng cai nghiện ma túy tại gia đình; Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình.

- *Về đối tượng tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình (Điều 8):*

Đối tượng cai nghiện tại gia đình là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự giác khai báo và tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình.

- *Về đăng ký tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình (Điều 9):*

Nghị định quy định người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Tổ công tác giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình.

Hồ sơ đăng ký gồm:

(1) *Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình;*

(2) *Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy;*

(3) *Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện ma túy.*

- *Việc xem xét áp dụng cai nghiện ma túy tại gia đình (Điều 10):*

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình.

Theo đó, Quyết định quản lý tự nguyện cai nghiện tại gia đình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

Quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình được gửi cho cá nhân và gia đình người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú.

b. Mục 2: Đối tượng, thủ tục tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng, gồm 4 điều (từ điều 12 đến điều 15), quy định đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng; Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng; Xem xét

quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng; Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng.

- *Về đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng (Điều 12):*

Theo đó, đối tượng tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng là người nghiện ma túy đang cư trú tại cộng đồng tự nguyện đăng ký cai nghiện nhưng không có điều kiện điều trị cắt cơn tại gia đình.

Người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy chưa thành niên có trách nhiệm tự giác khai báo và đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng (Điều 13):*

Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng gồm các thủ tục sau: Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện ma túy (Bao gồm các nội dung: tình trạng nghiện ma túy; các hình thức cai nghiện ma túy đã tham gia; tình trạng sức khỏe; cam kết tự nguyện cai nghiện ma túy tại cộng đồng); Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy. Tổ công tác cai nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng.

- *Đối với việc xem xét quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (Điều 14):*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, lập danh sách đối tượng tự nguyện cai nghiện và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng.

Nghị định quy định chi tiết Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình được giao quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

c. Mục 3: Đối tượng, thủ tục áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, gồm 06 điều (từ điều 16 đến điều 21), quy định đối tượng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng; Quy định về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng; Trách nhiệm, thời

hạn thẩm tra hồ sơ; Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng; Tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

- *Quy định đối tượng bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng* (Điều 16):

Theo đó, đối tượng là người nghiện ma túy cư trú tại cộng đồng nhưng không tự giác khai báo và không tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình hoặc cộng đồng.

Không áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng đối với các trường hợp sau: *Người nghiện ma túy đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Người nghiện ma túy thuộc diện bị đưa vào cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục; Người nghiện ma túy đang bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện theo quy định của pháp luật.*

- *Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng* (Điều 17):

Theo đó, Trưởng Công an xã hoặc tương đương chủ trì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác.

Hồ sơ gồm các thủ tục sau: (1) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma túy; Biên bản hoặc các tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma túy; (2) Văn bản của Trưởng Công an xã hoặc tương đương đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

- *Về trách nhiệm, thời hạn thẩm tra hồ sơ* (Điều 18):

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng của Trưởng Công an xã hoặc tương đương, Tổ công tác có trách nhiệm chuẩn bị tổ chức phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

Phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải có ít nhất các thành viên sau tham dự: cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an, cán bộ Y tế, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã và trưởng thôn (hoặc tổ trưởng Tổ dân phố) nơi người nghiện cư trú.

Tổ công tác xem xét và biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết với số ý kiến bằng nhau thì phải ghi rõ vào biên bản phiên họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định. Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ của Tổ công tác phải ghi rõ ý kiến phát biểu của các thành viên tham dự.

Tổ trưởng Tổ công tác làm văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Biên bản phiên họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ.

- *Quy định đối với quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng (Điều 19):*

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người cai nghiện; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình được giao quản lý, giúp đỡ; quyền khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Người phải chấp hành quyết định nếu không tự giác chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành. Quyết định cai nghiện tại cộng đồng được gửi cho cá nhân và gia đình, người giám hộ của người cai nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác và Tổ trưởng Tổ dân cư nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giúp đỡ người cai nghiện.

- *Việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng (Điều 20):*

Nghị định số 94/2010/NĐ-CP quy định trường hợp được hoãn thi hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng, gồm:

- + Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên;
- + Phụ nữ đang có thai có chứng nhận của bệnh viện từ tuyến huyện trở lên hoặc phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quyết định của cơ sở y tế về thời gian điều trị, thời gian nuôi con nhỏ để quyết định thời hạn hoãn chấp hành quyết định. Khi hết thời hạn hoãn chấp hành ghi trong quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú thì các đối tượng trên phải tiếp tục thi hành quyết định. Trường hợp không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

- *Các trường hợp được miễn thi hành quyết định, bao gồm:*

- + Đang mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;

+ Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó tự nguyện cai nghiện, không còn sử dụng ma túy có Giấy xác nhận đã hoàn thành thời gian tự nguyện cai nghiện.

- Về thủ tục hoãn, miễn thi hành quyết định, gồm các thủ tục sau:

+ Người phải chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải làm đơn đề nghị hoãn, miễn (kèm theo các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng hoãn, miễn, tự nguyện cai nghiện) gửi Tổ trưởng Tổ công tác;

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tổ trưởng Tổ công tác xem xét, thẩm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ trưởng Tổ công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định.

2.3. Chương III. Tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Chương này gồm 09 điều (từ điều 22 đến điều 30), quy định về khám sức khỏe, phân loại người nghiện ma túy; Điều trị cắt cơn, giải độc; Quản lý, giám sát người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; Giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; Dạy nghề, tạo việc làm cho người cai nghiện; Đánh giá kết quả cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; Trách nhiệm của người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy; Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; Những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

- Việc quản lý, giám sát người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (Điều 24):

Nghị định quy định người nghiện ma túy sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị cắt cơn được lập sổ theo dõi diễn biến hành vi, tâm lý và đưa trở về quản lý tại gia đình. Tổ công tác phân công cán bộ hỗ trợ giúp đỡ người nghiện ma túy trong việc thực hiện kế hoạch cai nghiện; phối hợp với gia đình, các tổ chức đoàn thể nơi người nghiện ma túy cư trú để quản lý, giám sát và hỗ trợ người cai nghiện. Cán bộ Tổ công tác được phân công hỗ trợ phải có kế hoạch, biện pháp quản lý, giáo dục, tư vấn người cai nghiện trong suốt thời gian cai nghiện, bảo đảm cho người cai nghiện thực hiện đúng và đủ quy trình cai nghiện; hàng tháng báo cáo với Tổ trưởng Tổ công tác về việc thực hiện kế hoạch cai nghiện của người cai nghiện.

- Quy định việc giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện (Điều 25):

Trong thời gian cai nghiện, Tổ công tác có các trách nhiệm tổ chức thực hiện liệu pháp tâm lý tập thể, liệu pháp tâm lý nhóm; tổ chức học tập về pháp luật, đạo

đức, tác phong, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm, tự tin nhằm phục hồi toàn diện về nhân cách, sức khỏe, tâm lý cho người cai nghiện; Tổ chức hoạt động tư vấn, giúp đỡ người nghiện ma túy sửa đổi hành vi, nhân cách; từng bước từ bỏ ma túy; phòng, chống tái nghiện; giúp họ định hướng đúng trong tương lai; Tổ chức cho người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp họ hiểu được giá trị của lao động; tổ chức các hoạt động thể thao, giải trí. Hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách và lao động trị liệu phải được thực hiện xen kẽ trong suốt thời gian cai nghiện.

- *Quy định về việc dạy nghề, tạo việc làm cho người cai nghiện (Điều 26):*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở dạy nghề của địa phương để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện. Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn cấp xã theo điều kiện, khả năng của doanh nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận người cai nghiện ma túy để tổ chức truyền nghề, dạy nghề và tạo việc làm cho người cai nghiện.

- *Quy định về việc đánh giá kết quả cai nghiện tại gia đình, cộng đồng (Điều 27):*

Trong thời gian cai nghiện theo quyết định, Tổ công tác tổ chức xét nghiệm chất ma túy đột xuất hoặc định kỳ; phối hợp với Tổ trưởng Tổ dân cư và gia đình, người giám hộ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện. Căn cứ vào kết quả xét nghiệm, quá trình theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp “Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng”. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an hướng dẫn đánh giá kết quả cai nghiện và cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

- *Về trách nhiệm của người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy (Điều 28):*

Người nghiện ma túy có các trách nhiệm sau: Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi mình cư trú; Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về chuyên môn, kế hoạch cai nghiện cá nhân; Hàng tháng phải báo cáo với người được phân công trực tiếp giúp đỡ về tình hình điều trị, cai nghiện, kết quả và sự tiến bộ của mình; Phải có mặt khi Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu; nếu vắng mặt mà không có lý do chính đáng, thì Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập đến trụ sở Ủy ban nhân dân yêu cầu làm kiểm điểm về hành vi vi phạm đó; Đóng góp chi phí cai nghiện theo quy định.

Gia đình người nghiện ma túy có trách nhiệm: Chăm sóc, quản lý, theo dõi, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người nghiện ma túy sử dụng trái phép chất ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội; Phối hợp với Tổ công tác, cán bộ Tổ công tác được phân công giúp đỡ người cai nghiện trong việc hỗ trợ, giúp đỡ người nghiện ma túy thực hiện kế hoạch cai nghiện, xóa bỏ mặc cảm, quyết tâm cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng.

- Về chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng (Điều 29):

+ Đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy: Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

+ Đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc: Hỗ trợ tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy, tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật.

- Quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng (Điều 30):

Theo quy định này trong thời gian cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng, khi tình trạng sức khỏe đã phục hồi, người cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, trừ trường hợp đang trong giai đoạn cắt cơn, giải độc. Mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày, số thời gian vắng mặt không được vượt quá một phần hai tổng số thời gian cai nghiện theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và phải tuân theo quy định sau:

+ Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến hai mươi ngày, thì phải báo cáo Trưởng Công an cấp xã.

+ Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên hai mươi ngày thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đồng ý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú phải gửi văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ đến lưu trú để phối hợp theo dõi, quản lý và hỗ trợ người cai nghiện.

+ Người cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

Thời gian người cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

Trong trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác mà tạm trú ở địa phương khác, thì người cai nghiện phải làm đơn đề nghị có ý kiến của Tổ trưởng Tổ công tác gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú xem xét, giải quyết:

+ Trường hợp người cai nghiện thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người cai nghiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, giáo dục.

+ Trường hợp người cai nghiện đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng mà tạm trú ở địa phương khác, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó lưu trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc để tiếp tục quản lý, giúp đỡ họ.

2.4. Chương IV: Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

Chương này gồm 07 điều (*từ điều 31 đến điều 37*), quy định về trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Công an; Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các cấp.

Ngoài việc quy định trách nhiệm cụ thể các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Y tế; Bộ Công an; Bộ Tài chính, Nghị định còn quy định rõ trách nhiệm của UBND các cấp gồm:

- *UBND cấp tỉnh có trách nhiệm* chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức điều tra, thống kê, phân loại người nghiện ma túy, xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch cai nghiện tại gia đình, cộng đồng của địa phương; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phân công trách nhiệm cụ thể trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện; theo dõi, động viên giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện cho những người đã cai nghiện tìm kiếm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ

chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy (*Điều 35*).

- *UBND cấp huyện có trách nhiệm* xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí cho công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng của địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức cai nghiện; căn cứ vào tình hình, số lượng người nghiện ma túy tại địa phương để chỉ đạo việc điều trị cắt cơn tại các cụm xã có số lượng người nghiện ít; tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện ma túy. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy (*Điều 36*).

- *UBND cấp xã có trách nhiệm* xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Chỉ đạo Tổ công tác thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, quản lý, giáo dục người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; thành lập các câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động xã hội khác nhằm giúp người cai nghiện ma túy phục hồi sức khỏe, nhân cách và hòa nhập cộng đồng. Tạo điều kiện cho người đã cai nghiện được học nghề, tìm việc làm, vay vốn, sản xuất, kinh doanh và tiếp cận với các dịch vụ y tế, xã hội, phòng, chống tái nghiện ma túy; huy động các tổ chức, cá nhân giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người đã cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng. Kiểm tra, thanh tra công tác tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng ở địa phương. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về công tác cai nghiện ma túy (*Điều 37*).

2.5. Chương V. Điều khoản thi hành.

Chương này gồm 02 điều (*Điều 38 và Điều 39*), quy định hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2010 và thay thế Nghị định số 56/2002/NĐ-CP ngày 15/5/2002 của Chính phủ về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng./.
